

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/KDTM-ST

Ngày: 09 - 9 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng phân phối

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan, ông Hoàng Việt Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2024/TLST-KDTM, ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng phân phối*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH M

Địa chỉ: Số A đường C, khu công nghiệp L (A), phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Đại diện theo pháp luật: Ông Chan Wui H, C

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thạch T, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 101/6 đường 3, khu công nghiệp Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1 - Chủ hộ kinh doanh Văn Hường;

Địa chỉ: A V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng T2, sinh năm 1989 (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đăng Tâm

Địa chỉ: 162 V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 16/3/2023 công ty TNHH M và bà Nguyễn Thị T1 là chủ hộ kinh doanh Văn Hường có ký kết hợp đồng phân phối nông dược số 016/DLK/MPS/2023, theo đó phía công ty bán cho hộ kinh doanh Văn Hường các sản phẩm nông dược. Theo hợp đồng các bên ký kết

có thời hạn là 01 năm từ ngày 16/3/2023 đến 15/3/2024. Trường hợp các bên không đề bổ sung hay sửa đổi các điều khoản trong hợp đồng thì hợp đồng tự động gia hạn. Đối với loại hàng hóa, số lượng hàng hóa, thời hạn thanh toán không ghi rõ trong hợp đồng mà do hai bên thỏa thuận cụ thể của từng đợt giao hàng và được thể hiện trong hóa đơn do công ty xuất cho bị đơn. Hóa đơn được công ty xuất trước khi giao hàng.

Đối với khoản thanh toán trễ hạn công ty áp dụng mức lãi suất phạt chậm trả theo điều 2.2a của hợp đồng là 0,025%/ngày trên số tiền chậm thanh toán hoặc mức lãi khác tùy theo thông báo của công ty tại từng thời điểm.

Quá trình thực hiện hợp đồng phía hộ kinh doanh Văn Hương mua nhiều đợt hàng và xuất nhiều hóa đơn nhưng phía bị đơn chậm thanh toán đối với hóa đơn số 2267 ngày 11/8/2023 với số tiền lãi 2.093.442 đồng, số 2277 ngày 11/8/2023 với số tiền lãi 529.200 đồng, số 2699 ngày 29/9/2023 với số tiền lãi 5.293.666 đồng và số 2700 ngày 29/9/2023 với tiền lãi chậm trả là 20.770.128 đồng. Đối với các hóa đơn 2267, 2277 và 2699 phía bị đơn đã thanh toán hết tiền gốc nhưng chậm thanh toán nên công ty đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả tiền lãi phạt chậm trả. Đối với hóa đơn 2700 với số tiền 510.695.418 đồng hộ kinh doanh Văn H2 chỉ mới thanh toán được 427.800.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 82.895.418 đồng tiền gốc.

(Số tiền lãi chậm thanh toán có bản giải trình chi tiết kèm theo)

Do đó, công ty TNHH M khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T1 - chủ hộ kinh doanh Văn Hương có nghĩa vụ trả số nợ gốc của hóa đơn 2700 ngày 29/9/2023, ngày đáo hạn là 29/11/2023 là 82.895.418 đồng và nợ lãi của hóa đơn 2700, 2267, 2277 và 2699 với số tiền lãi là 28.668.436 đồng. Tổng số tiền 111.563.854 đồng. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị T1 - Chủ hộ kinh doanh Văn H2 còn phải trả lãi đối với số nợ gốc cho đến khi trả xong nợ.

Ngoài các hóa đơn nêu trên phía hộ kinh doanh Văn H2 không còn nợ hay chậm thanh toán khoản tiền nào khác.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ngày 16/3/2023 công ty TNHH M và bà Nguyễn Thị T1 là chủ hộ kinh doanh Văn Hương có ký kết hợp đồng phân phối nông dược số 016/DLK/MPS/2023, theo đó phía công ty bán cho hộ kinh doanh Văn Hương các sản phẩm nông dược. Theo hợp đồng các bên ký kết có thời hạn là 01 năm từ ngày 16/3/2023 đến 15/3/2024. Đối với loại hàng hóa, số lượng hàng hóa, thời hạn thanh toán không ghi rõ trong hợp đồng mà do hai bên thỏa thuận cụ thể của từng đợt giao hàng và được thể hiện trong hóa đơn do công ty xuất cho bị đơn. Hóa đơn được công ty xuất trước khi giao hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng hộ kinh doanh Văn H2 có mua bán nhiều lần và phía công ty có xuất nhiều hóa đơn hàng hóa và đã thanh toán đầy đủ. Đối với các hóa đơn số 2267 ngày 11/8/2023, số 2277 ngày 11/8/2023, số 2699 ngày 29/9/2023 hộ kinh doanh Văn H2 đã thanh toán hết số tiền gốc nhưng việc thanh toán bị chậm như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Lý do chậm thanh toán tiền là do nhân viên sale của công ty bảo lãnh. Hóa đơn 2700 ngày 29/9/2023 với số tiền

510.695.418 đồng hộ kinh doanh Văn H2 chỉ mới thanh toán được 427.800.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 82.895.418 đồng tiền gốc. Trong thời gian thanh toán tiền gốc của hóa đơn 2700 hộ kinh doanh Văn H2 cũng thanh toán trễ hạn so với ngày đáo hạn trên hóa đơn, hóa đơn này cũng do nhân viên sale bảo lãnh nên bị đơn mới chậm thanh toán.

Đối với mức lãi suất phạt chậm trả nếu có tôi chỉ đồng ý với mức lãi suất 0.025%/ngày/ số tiền chậm trả theo như hợp đồng đã ký kết.

Vì vậy, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phía hộ kinh doanh Văn H2 chỉ đồng ý trả số tiền 82.895.418 đồng tiền gốc, đối với lãi suất 28.668.436 đồng mà nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty trách nhiệm hữu hạn M (gọi tắt là Công ty) khởi kiện bà Nguyễn Thị T1 - Chủ hộ kinh doanh Văn Hường về việc tranh chấp hợp đồng phân phối, bà Nguyễn Thị T1 - Chủ hộ kinh doanh Văn Hường có địa chỉ tại phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, theo quy định tại Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng phân phối” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ trả 45.666.191 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ đề nghị bị đơn có nghĩa vụ trả 28.668.436 đồng tiền lãi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là phù hợp không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn công ty trách nhiệm hữu hạn M yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 - Chủ hộ kinh doanh Văn H2 có nghĩa vụ trả tổng số tiền 111.563.854 đồng, trong đó 82.895.418 đồng nợ gốc và lãi là 28.668.436 đồng.

Về nợ gốc: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện công ty cung cấp hợp đồng phân phối nông dược số 016/DLK/MPS/2023 ngày 16/3/2023 giữa công ty và bà Nguyễn Thị T1 - Chủ hộ kinh doanh Văn Hường thể hiện nội dung công ty bán cho hộ kinh doanh Văn Hường các sản phẩm nông dược. Trong quá trình phân phối hàng hóa nông dược công ty đã bán nhiều lần các sản phẩm nông dược cho Nguyễn Thị T1 - Chủ hộ kinh doanh Văn Hường cụ thể bằng nhiều hóa đơn bán hàng. Trong đó, đối với khoản tiền theo hóa đơn bán hàng số 2700 ngày 29/9/2023 với số tiền là 510.695.418 đồng hộ kinh doanh Văn Hường chỉ mới thanh toán được 427.800.000 đồng tiền gốc còn nợ lại 82.895.418 đồng nợ gốc. Còn các hóa đơn bán hàng trước đó phía bà Nguyễn Thị T1 - Chủ hộ kinh doanh Văn H2 đã thanh toán hết. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn thừa nhận lời trình bày

của nguyên đơn là đúng và đồng ý trả khoản nợ gốc này cho nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả khoản tiền lãi chậm thanh toán đối với các hóa đơn 2267 ngày 11/8/2023 với số tiền lãi 2.093.442 đồng, số 2277 ngày 11/8/2023 với số tiền lãi 529.200 đồng, số 2699 ngày 29/9/2023 với số tiền lãi 5.293.666 đồng. Mặc dù, các hóa đơn trên bị đơn đã thanh toán đầy đủ khoản nợ gốc nhưng trong quá trình thanh toán bị đơn thanh toán chậm theo thời hạn được quy định tại các hóa đơn. Hơn nữa, bị đơn cũng thừa nhận việc thanh toán chậm là đúng. Việc yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự nên hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi suất theo hóa đơn 2700 ngày 29/9/2023, bị đơn thanh toán chậm nên bị đơn phải chịu lãi suất theo quy định tại hợp đồng số 016/DLK/MPS/2023 ngày 16/3/2023 là có căn cứ chấp nhận.

Về mức lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất là 0,025%/số tiền chậm trả/ ngày chậm trả là phù hợp với điều 2.2a của hợp đồng 016/DLK/MPS/2023 ngày 16/3/2023 và phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị T1 - Chủ hộ kinh doanh Văn Hường có nghĩa vụ trả cho công ty trách nhiệm hữu hạn M số tiền 111.563.854 đồng, trong đó 82.895.418 đồng nợ gốc và lãi là 28.668.436 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T1 - Chủ hộ kinh doanh Văn Hường phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể: 111.563.854 đồng x 5% = 5.578.000 đồng (làm tròn số)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 385, Điều 468 Bộ luật dân sự

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty trách nhiệm hữu hạn M.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 - Chủ hộ kinh doanh Văn Hường có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn M số tiền 111.563.854 đồng, (trong đó 82.895.418 đồng nợ gốc và lãi là 28.668.436 đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà **Nguyễn Thị T1** - Chủ hộ kinh doanh **Văn H2** phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.578.000 đồng (*Năm triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng*)

Công ty trách nhiệm hữu hạn M không phải chịu án phí được nhận lại 4.125.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2023/0013117 ngày 03/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hoài Trang

